

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-PT
Ngày 20 - 8 - 2024
“V/v ly hôn và tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Danh
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huy Cận và ông Nguyễn Văn Nghĩa
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc:** Ông Phùng Ngọc Tuấn
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2024/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Chị **Vũ Thị L**, sinh năm 1992; nơi cư trú: **Tổ dân phố Q, thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc**, (có mặt).
- Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1984; nơi cư trú: **Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc**, (có mặt).
- Người kháng cáo:** Bị đơn anh **Nguyễn Văn N**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 16/01/2024 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Vũ Thị L** trình bày:

Chị kết hôn với anh **Nguyễn Văn N** ngày 05/3/2020, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh N. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên từ đó thường xuyên xảy cãi nhau và thỉnh thoảng anh N có đánh chị. Tháng 12/2023 chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh **Nguyễn Văn N**.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 25/01/2021, hiện nay cháu Đ đang ở cùng anh N. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị Lê k đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh thừa nhận về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, thời điểm vợ chồng ly thân như chị L trình bày là đúng. Nhưng theo anh nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống đặc biệt về kinh tế gia đình dẫn đến thỉnh thoảng cãi nhau, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ nhiều lần. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn chị Lê x ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 25/01/2021, hiện nay đang ở cùng anh. Ly hôn anh N xin được tiếp tục nuôi con không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Anh N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Với nội dung nêu trên, Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2024/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho chị Vũ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 25/01/2021 cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con (hiện nay cháu Đ đang ở cùng anh N). Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 03/6/2024, anh Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo không đồng ý với một phần Bản án sơ thẩm, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xem xét giao cho anh được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tấn Đ và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự đã

được thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn N, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giao cháu Nguyễn Tấn Đ cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn N làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ được chấp nhận xem xét.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn chị Vũ Thị Lê kết h với bị đơn anh Nguyễn Văn N được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L đăng ký và cấp giấy chứng nhận ngày 05 tháng 3 năm 2020. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn với bị đơn là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, anh N và chị L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, hai bên không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ, quan tâm đến nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc và đã sống ly thân. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho hai bên ly hôn để mỗi bên được tạo lập cuộc sống mới theo yêu cầu của các đương sự là có căn cứ, đồng thời giải quyết tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và giao cháu Nguyễn Tấn Đ cho chị L nuôi dưỡng.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và giấy khai sinh của cháu Đ thì chị L, anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 25/01/2021, hiện nay cháu đang ở cùng anh N. Ly hôn cả chị L và anh N đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu Đ và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định nguyện vọng xin nuôi con của nguyên đơn và bị đơn là chính đáng; hai bên đều có đủ điều kiện nuôi con nhưng do cháu Đ còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nên giao cháu cho chị L được nuôi dưỡng.

Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm, chị L và anh N đều thừa nhận trước khi kết hôn với nhau thì họ đã kết hôn và ly hôn với người khác. Chị Lê kết h với anh Hoàng Văn T, có 02 con chung và ly hôn năm 2014. Tòa án giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh L1, sinh năm 2011 và cháu Nguyễn Khánh L2, sinh năm 2012. Tuy nhiên, hiện nay chị Lê c nuôi cháu L2 còn bố mẹ anh T nuôi cháu L1. Anh N kết hôn với chị Vũ Thị Hồng

H, có 01 con chung và cũng ly hôn năm 2014. Anh N không được Tòa án giao nuôi con chung.

Thấy rằng, cả anh N và chị L đều có đủ điều kiện để nuôi con và nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con của họ là chính đáng. Tuy nhiên, trước đó chị L đã được giao nuôi dưỡng 02 con, còn anh N chưa được giao nuôi con và hiện cháu Đ đang sống cùng anh, đã gần được 04 tuổi nên để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu cũng như vì lẽ công bằng giữa các đương sự thì cần giao cháu Đ cho anh N nuôi dưỡng là phù hợp.

Từ phân tích, nhận định như trên thì kháng cáo của anh Nguyễn Văn N cũng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tòa án cấp phúc thẩm sẽ sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu Đ cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Đối với quyết định về việc ly hôn giữa chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Văn N của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn N.

Sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2024/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc về nuôi con.

Căn cứ các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giao cháu Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 25/01/2021 cho anh Nguyễn Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng; chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

2. Về án phí:

Chị Vũ Thị Lê p chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000205 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho anh N số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000341 ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Quyết định về ly hôn của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thanh Danh